

- GV thu 10 bài nhận xét.

### **3.Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả:**

- GV dán tờ phiếu đã viết sẵn truyện vui “Một ngày và một năm” chỉ các ô trống giải thích yêu cầu bài tập.

- GV và cả lớp nhận xét, chốt lời giải:

+ Họa sĩ - nước Đức - sung sướng - không hiểu sao - bức tranh.

### **4.Củng cố - dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- Đối vở cho nhau soát lại bài.

HS: Đọc thầm truyện, làm bài vào vở bài tập.

- 3 - 4 em làm bài trên phiếu.

- Đọc lại truyện “Một ngày và một năm” sau khi đã điền các tiếng thích hợp. Nói về tính khôi hài của truyện.

## Toán

### LUYỆN TẬP CHUNG

#### I.Mục tiêu:

Giúp cho HS ôn tập củng cố về :

- Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9 khái niệm ban đầu của phân số, tính chất cơ bản của phân số, rút gọn phân số, quy đồng mẫu số các phân số, so sánh các phân số.
- Một số đặc điểm của hình chữ nhật, hình bình hành.

#### II.Đồ dùng dạy học.

Bảng nhóm.

#### III.Các hoạt động dạy - học:

##### **A.Kiểm tra bài cũ:**

Gọi HS lên chữa bài tập.

##### **B.Dạy bài mới:**

###### **1.Giới thiệu bài:**

###### **2.Hướng dẫn HS làm bài tập:**

+ Bài 1:

- GV và cả lớp chữa bài:

- GV có thể hỏi HS về dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.

+ Bài 2:

- GV và cả lớp nhận xét:

HS: Đọc yêu cầu và tự làm.

- 3 HS lên bảng làm bài.

a.  $75\bar{2}$

b.  $75\bar{0}$

c.  $75\bar{9}$

- Đọc yêu cầu, tự làm bài rồi chữa bài.

- 1 em lên bảng làm.

a. - Số HS của cả lớp đó là:

+ Bài 3: GV nêu yêu cầu bài tập.

- GV cùng cả lớp chữa bài.

$$\frac{20}{36} = \frac{20:4}{36:4} = \frac{5}{9} \quad ; \quad \frac{15}{18} = \frac{15:3}{18:3} = \frac{5}{6}$$

+ Bài 4: GV gọi HS đọc yêu cầu.

- GV và cả lớp nhận xét:

- GV chữa bài cho HS.

$$14 + 17 = 31 \text{ (HS)}$$

Phân số chỉ số phần HS trai là:  $\frac{14}{31}$

b. Phân số chỉ phần HS gái là:  $\frac{17}{31}$

HS: Đọc lại yêu cầu, suy nghĩ làm bài.

- Lớp làm vở, 2 em làm bảng nhóm.

-Dán bảng và trình bày.

-Nhận xét bài làm của bạn.

\* Rút gọn các phân số ta có:

$$\frac{45}{25} = \frac{45:5}{25:5} = \frac{9}{5} \quad ; \quad \frac{35}{63} = \frac{35:7}{63:7} = \frac{5}{9}$$

Các phân số bằng  $\frac{5}{9}$  là  $\frac{20}{36}$  ;  $\frac{35}{63}$

HS: Đọc yêu cầu và tự làm bài.

- 1 HS lên bảng chữa bài.

\* Rút gọn các phân số được  $\frac{2}{3}$  ;  $\frac{4}{5}$  ;  $\frac{3}{4}$

\* Quy đồng mẫu số các phân số được:

$$\frac{40}{60} \quad ; \quad \frac{48}{60} \quad ; \quad \frac{45}{60}$$

Ta có:  $\frac{40}{60} < \frac{45}{60}$  và  $\frac{45}{60} < \frac{48}{60}$

Vậy các phân số được viết theo thứ tự từ

lớn đến bé là:  $\frac{12}{15}$  ;  $\frac{15}{20}$  ;  $\frac{8}{12}$

### 3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về làm xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

## Luyện từ và câu

### DẤU GẠCH NGANG

#### I. Mục tiêu:

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Sử dụng đúng dấu gạch ngang trong khi viết.

#### II. Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

#### III. Các hoạt động dạy - học:

##### A. Kiểm tra bài cũ:

##### B. Dạy bài mới:

##### 1. Giới thiệu:

##### 2. Phần nhận xét:

+ Bài 1:

| HS: 3 em nối nhau đọc nội dung bài 1.

- GV chốt lại bằng cách dán tờ phiếu đã viết lời giải:

Đoạn a: - Cháu con ai?

Đoạn b: - Cái đuôi dài - bộ phận khỏe nhất - mạng sườn.

- Thưa ông, cháu là con ông Thư.

+ Bài 2:

- GV dán phiếu bài 1 lên bảng để HS dựa vào đó và trả lời.

### **3. Phần ghi nhớ:**

### **4. Phần luyện tập:**

+ Bài 1:

- GV chốt lại lời giải đúng bằng cách dán phiếu đã viết lời giải (SGV).

+ Bài 2:

- GV nêu yêu cầu bài tập.

- GV cùng cả lớp nhận xét và cho điểm những bài viết tốt.

- Con gái của bố tuần này học hành thế nào?

Tôi vui vẻ trả lời ngay:

- Con được 3 điểm 10 bố ạ!

- Thế ư! - Bố tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ thốt lên.

### **5. Củng cố, dặn dò:**

- Nhận xét tiết học, yêu cầu ghi nhớ nội dung bài học.

- Dặn về nhà học và chuẩn bị bài sau.

- Tìm những câu văn có chứa dấu gạch ngang, phát biểu ý kiến.

Đoạn c: - Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi.

- Khi điện đã vào quạt, tránh .

- Hằng năm, tra dầu mỡ .

- Khi không dùng, cất quạt .

HS: Đọc yêu cầu suy nghĩ và trả lời.

Đoạn a: Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.

Đoạn b: Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu văn.

Đoạn c: Dấu gạch ngang liệt kê các biện pháp cần thiết để bảo quản quạt điện được bền.

HS: 3 - 4 em đọc nội dung cần ghi nhớ.

HS: Đọc yêu cầu và tìm dấu gạch ngang trong truyện “Quà tặng cha”, nêu tác dụng của mỗi dấu.

HS: Phát biểu.

HS: Đọc yêu cầu bài.

- Tự viết đoạn trò chuyện giữa mình với bố mẹ.

- 1 số HS làm vào phiếu và lên dán trên bảng.

VD: Tuần này tôi học hành chăm chỉ luôn được cô giáo khen. Cuối tuần như thường lệ, bố hỏi tôi:

\* Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của bố.

\* Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của “tôi”.

**Khoa học**  
**ÁNH SÁNG**

**I.Mục tiêu:**

- HS phân biệt được các vật tự phát ra sáng và các vật được chiếu sáng.
- Làm thí nghiệm để xác định các vật cho ánh sáng truyền qua hoặc không truyền qua.
- Nêu ví dụ hoặc làm thí nghiệm để chứng tỏ ánh sáng truyền theo đường thẳng.
- Nêu ví dụ chứng tỏ mắt chỉ nhìn thấy 1 vật khi có ánh sáng từ vật đó đi tới mắt.

**II.Đồ dùng:**

Tấm kính, nhựa trong, tấm kính mờ, tấm ván.

**III.Các hoạt động dạy - học:**

**A.Kiểm tra bài cũ:**

GV gọi HS đọc phần “Ghi nhớ” bài trước.

**B.Dạy bài mới:**

**1.Giới thiệu:**

**2.Hoạt động 1: Tìm hiểu các vật tự phát ra ánh sáng và các vật được chiếu sáng.**

- GV chia lớp ra các nhóm.

VD: \* Hình 1: Ban ngày:

- Vật tự phát sáng: Mặt trời.
- Vật được chiếu sáng: Gương, bàn, ghế.

HS: Thảo luận nhóm theo hình 1, 2 trang 90 SGK và kinh nghiệm đã có trong cuộc sống để báo cáo trước lớp.

\* Hình 2: Ban đêm:

- Vật tự phát sáng: Ngọn đèn điện (khi có dòng điện chạy qua).
- Vật được chiếu sáng: Mặt trăng sáng là do được mặt trời chiếu sáng, cái gương, bàn, ghế được đèn chiếu sáng phản chiếu chiếu từ mặt trời.

**3.Hoạt động 2: Tìm hiểu về đường truyền của ánh sáng.**

- + Bước 1: GV nêu tên trò chơi và hướng dẫn cách chơi.
- + Bước 2: Chia nhóm.

HS: Chơi trò chơi “Dự đoán đường truyền của ánh sáng”.

- Làm thí nghiệm theo nhóm trang 90 SGK.
- Các nhóm trình bày kết quả.

=> Ánh sáng truyền qua đường thẳng.

**4.Hoạt động 3: Tìm hiểu sự truyền ánh sáng qua các vật.**

- GV chia nhóm và giao nhiệm vụ.

HS: Làm thí nghiệm trang 91 SGK theo nhóm.

- Đại diện các nhóm ghi lại kết quả và báo cáo (SGV).

**5.Hoạt động 4: Tìm hiểu mắt nhìn thấy vật khi nào?**

- GV đặt câu hỏi cho cả lớp:  
? Mắt ta nhìn thấy vật khi nào

- Khi có ánh sáng, khi mắt không bị chắn.
- Tiến hành thí nghiệm trang 91 SGK.
- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

=> Rút ra kết luận (SGK).

| - Đọc lại kết luận.

## 6. **Củng cố dặn dò.**

Nhận xét tiết học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

### **Buổi chiều:**

### **Đạo đức**

## **GIỮ GÌN CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Tiết 1)**

### **I. Mục tiêu:**

1. Hiểu: - Các công trình công cộng là tài sản chung của xã hội.  
- Mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ giữ gìn.  
- Những việc cần làm để giữ gìn các công trình công cộng.
2. Biết tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ các công trình công cộng.

### **II. Đồ dùng:**

- Phiếu điều tra.

### **III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

#### **A. Kiểm tra bài cũ:**

GV gọi HS đọc ghi nhớ.

#### **B. Dạy bài mới:**

##### **1. Giới thiệu và ghi đầu bài:**

##### **2. Hoạt động 1: Thảo luận nhóm (trang 34 SGK).**

- GV chia nhóm, giao nhiệm vụ thảo luận | HS: Các nhóm thảo luận.  
cho các nhóm. | - Đại diện các nhóm lên trình bày.  
| - Các nhóm khác trao đổi bổ sung.
- GV kết luận: Nhà văn hóa xã là một công trình công cộng, là nơi sinh hoạt văn hóa chung của nhân dân, được xây dựng bởi nhiều công sức tiền của. Vì vậy chúng ta phải khuyên Hùng nên giữ gìn, không được vẽ bậy lên tường đó.

##### **3. Hoạt động 2: Làm việc theo nhóm đôi (bài 1 SGK).**

- GV giao cho từng nhóm HS thảo luận. | - Các nhóm thảo luận.  
| - Đại diện từng nhóm lên trình bày.  
| - Các nhóm khác trao đổi, bổ sung.

- GV kết luận ngắn gọn về từng tranh:

Tranh 1: Sai.

Tranh 3: Sai.

Tranh 2: Đúng.

Tranh 4: Đúng.

##### **4. Hoạt động 3: Xử lý tình huống (bài 2 SGK).**

- GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận, xử lý tình huống. | - Các nhóm thảo luận theo từng ND.  
| - Đại diện các nhóm trình bày, bổ sung  
| sung, tranh luận ý kiến trước lớp.

- GV kết luận về từng tình huống:

a. Cần báo cho người lớn hoặc những người có trách nhiệm về việc này.

b. Cần phân tích lợi ích của biển báo giao thông và khuyên ngăn họ.

=> Ghi nhớ:

| HS: 1 - 2 em đọc ghi nhớ.

##### **5. Củng cố, dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Về nhà điều tra thực trạng các công trình công cộng ở địa phương.

## Luyện tiếng việt

### LUYỆN TẬP: DẤU GẠCH NGANG

#### I.Mục tiêu:

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Sử dụng đúng dấu gạch ngang trong khi viết.

#### II.Các hoạt động dạy - học:

##### **A.Kiểm tra bài cũ:**

##### **B.Dạy bài mới:**

##### **1.Giới thiệu:**

##### **2.Phần nội dung:**

Bài 1. Nối từ ngữ nêu công dụng của dấu gạch ngang (ở cột A) với ví dụ tương ứng (ở cột B)

A	B
1.Đánh dấu chỗ bắt đầu lời đối thoại.	a.Bạn Bích Vân - lớp trưởng lớp 4A - đứng dậy nói.
2.Đánh dấu phần chú thích trong câu.	b.Nhiệm vụ của chúng ta là: -Học tập tốt. -Lao động tốt.
3.Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.	c.Nam đã đến chưa? -Sắp đến.

Bài 2.Tìm dấu gạch ngang trong đoạn văn dưới đây, và nêu tác dụng của các dấu gạch ngang tìm được.

(1) Gà rừng đậu trên cây, Một con cáo – loài vật nổi tiếng khôn ngoan và nhiều mưu mẹo - đi tới gần nói vọng lên:

(2) - Chào anh bạn Gà rừng bé bỏng của tôi!

(3) - Cảm ơn lời lẽ chân tình của chị Cáo.

-Y/c HS thảo luận nhóm đôi tìm câu trả lời.

-Thảo luận theo y/c.

-Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

-Nhận xét câu trả lời của nhóm bạn.

-Nhận xét, chốt lại đáp án đúng.

\*Dấu gạch ngang ở câu (1): Đánh dấu phần chú thích trong câu.

(2), (3): Đánh dấu chỗ bắt đầu lời đối thoại.

Bài 3.Viết đoạn văn ngắn thuật lại cuộc trò chuyện giữa em với bố mẹ sau khi đi học về. Trong đoạn văn có dùng dấu gạch ngang.

-Y/c HS tự viết bài vào vở.

-HS viết bài theo y/c.

-1 số em đọc bài viết của mình.

-Nhận xét bài viết của bạn.

-Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS.

##### **3.Củng cố, dặn dò:**

- Nhận xét tiết học, yêu cầu ghi nhớ nội dung bài học.
- Dặn về nhà học và chuẩn bị bài sau.

## Luyện toán

### LUYỆN TẬP CHUNG

#### I.Mục tiêu:

Giúp cho HS ôn tập củng cố về :

- Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9 khái niệm ban đầu của phân số, tính chất cơ bản của phân số, rút gọn phân số, quy đồng mẫu số các phân số, so sánh các phân số.
- Một số đặc điểm của hình chữ nhật, hình bình hành.

#### II.Đồ dùng dạy học.

Vở bài tập toán (Trang 34).

#### III.Các hoạt động dạy - học:

##### **A.Kiểm tra bài cũ:**

##### **B.Dạy bài mới:**

##### **1.Giới thiệu bài:**

##### **2.Hướng dẫn HS làm bài tập:**

Bài 1.Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

- Y/c HS suy nghĩ làm bài cá nhân.
- Gọi HS báo cáo kết quả.

-Nhận xét và chữa bài.

Bài 1.Trong các số 6215 ;6261 ;6217 ;6218 Số chia hết cho 3 là:

- A. 6215                      B. 6261  
C. 6217                      D. 6281

Bài 2.Hoà có 8 viên bi gồm 4 viên bi màu xanh,3 viên bi màu đỏ,1 viên bi màu vàng.Phân số chỉ phần các viên bi màu xanh trong tổng số viên bi của Hoà là:

- A.  $\frac{4}{3}$                       B.  $\frac{3}{8}$                       C.  $\frac{1}{8}$                       D.  $\frac{4}{8}$

-Y/c HS phát biểu dấu hiệu chia hết cho 3; quy tắc so sánh phân số với 1 và cách tìm phân số bằng nhau.

Bài 2.Y/c HS làm bài cá nhân.

-Nhận xét và chữa bài.

Bài 3.Y/c HS thảo luận nhóm đôi tìm cách làm bài.

-Làm bài cá nhân vào vở.

- Lần lượt từng em nêu đáp án của mình.
- Nhận xét câu trả lời của bạn.

Bài 3.Phân số  $\frac{7}{8}$  bằng phân số :

- A.  $\frac{21}{32}$                       B.  $\frac{35}{32}$                       C.  $\frac{21}{24}$                       D.  $\frac{35}{48}$

Bài 4.Phân số bé hơn 1 là :

$$\frac{7}{8}$$

-Tiếp nối nhau phát biểu.

- Lớp làm vở, 4 em làm bảng.
- Nhận xét bài làm của bạn.

-Cách 1.Tìm cạnh đáy và chiều cao của hình bình hành BMCD sau đó tính diện tích.

Cách 2.Tính diện tích hình chữ nhật AMND sau đó tính diện tích 2 tam giác ABD và MNC rồi lấy diện tích hình chữ